

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 27



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch
Ông Trần Công Thành	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Bích Lâm	Thành viên
Ông Trương Minh Long	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020)
Ông Lương Ngọc Bảo	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Thái Văn Toàn	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020)
Bà Trương Thị Nhung	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020)
Bà Nguyễn Quốc Thiên Kim	Thành viên
Bà Vũ Thị Bình Nguyễn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Công Thành**  
**Tổng giám đốc**

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2020

Số: 21.148-R/BCSX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương, được lập ngày 10 tháng 08 năm 2020, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2020

*Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>276.416.826.427</b>	<b>265.406.577.236</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>60.680.482.897</b>	<b>67.517.808.478</b>
1. Tiền	111		31.910.888.235	47.810.908.716
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.769.594.662	19.706.899.762
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	4.2	<b>62.177.248.105</b>	<b>56.716.677.934</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		11.275.000.000	11.275.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(75.210.000)	(75.210.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50.977.458.105	45.516.887.934
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>153.558.686.789</b>	<b>141.171.704.188</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	94.417.260.000	91.383.972.963
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	38.750.822.922	23.385.926.062
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	21.950.190.269	27.868.861.171
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.559.586.402)	(1.467.056.008)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>408.636</b>	<b>386.636</b>
1. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	408.636	386.636
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>224.559.391.513</b>	<b>228.754.205.226</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>41.622.497.354</b>	<b>45.310.452.541</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	40.425.499.084	44.049.881.019
Nguyên giá	222		103.287.184.741	103.954.510.285
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.861.685.657)	(59.904.629.266)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.196.998.270	1.260.571.522
Nguyên giá	228		3.576.338.786	3.576.338.786
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.379.340.516)	(2.315.767.264)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>147.239.000</b>	<b>147.239.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		147.239.000	147.239.000
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.2	<b>181.818.200.000</b>	<b>181.818.200.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		12.000.000.000	12.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		150.780.000.000	150.780.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		19.038.200.000	19.038.200.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>971.455.159</b>	<b>1.478.313.685</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		971.455.159	1.478.313.685
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>500.976.217.940</b>	<b>494.160.782.462</b>

(Xem tiếp trang sau)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>303.828.803.359</b>	<b>283.073.203.790</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>302.423.803.359</b>	<b>281.668.203.790</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	106.065.606.129	104.320.285.658
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.160.772.747	806.152.511
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	4.102.150.301	3.271.757.071
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		243.341.939	148.304.700
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.11	18.984.993.654	8.252.760.954
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.12	171.863.856.322	164.865.860.629
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.082.267	3.082.267
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.405.000.000</b>	<b>1.405.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		1.405.000.000	1.405.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>197.147.414.581</b>	<b>211.087.578.672</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.13.1	<b>197.147.414.581</b>	<b>211.087.578.672</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		119.490.050.000	119.490.050.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.490.050.000	119.490.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.544.394.511	45.544.394.511
3. Cổ phiếu quỹ	415		(817.208.082)	(817.208.082)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.400.293.842	9.400.293.842
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		12.000.000.000	11.000.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.529.884.310	26.470.048.401
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		10.697.722.401	22.376.686.154
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		832.161.909	4.093.362.247
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>500.976.217.940</b>	<b>494.160.782.462</b>



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2020

Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.15	333.628.430.588	260.927.491.299
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		333.628.430.588	260.927.491.299
3. Giá vốn hàng bán	11	4.16	318.887.093.668	245.432.495.792
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.741.336.920	15.494.995.507
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.17	2.972.036.119	2.888.546.481
6. Chi phí tài chính	22	4.18	7.027.633.239	6.564.395.479
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		6.406.483.484	6.382.075.502
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.19	9.030.364.019	11.199.761.597
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.655.375.781	619.384.912
9. Thu nhập khác	31		177.932.127	43.871.336
10. Chi phí khác	32		340.563.734	-
11. Lợi nhuận khác	40		(162.631.607)	43.871.336
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.492.744.174	663.256.248
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.21	660.582.265	57.684.851
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		832.161.909	605.571.397



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2020

Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.492.744.174	663.256.248
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.20	3.212.664.949	3.389.659.003
Các khoản dự phòng	03	4.20	92.530.394	100.143.582
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		152.023.558	(20.491.369)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.429.610.349)	(2.307.579.013)
Chi phí lãi vay	06	4.18	6.406.483.484	6.382.075.502
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		8.926.836.210	8.207.063.953
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21.204.534.995)	(7.861.821.517)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		328.324.500	7.998.612.159
Tăng giảm chi phí trả trước	12		506.858.526	450.896.568
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.406.483.484)	(6.382.075.502)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(1.571.781.528)	(210.376.992)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	638.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(500.000.000)	(951.333.333)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(19.920.780.771)</b>	<b>1.888.965.336</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(36.900.000)	(1.607.769.546)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		680.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(6.060.570.171)	(14.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		600.000.000	14.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		8.725.000.000	19.281.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.261.800.587	2.307.579.013
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>6.169.330.416</b>	<b>19.980.809.467</b>

(Xem tiếp trang sau)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.22	301.125.209.298	243.224.246.743
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.23	(294.127.213.605)	(270.563.170.602)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(14.272.326.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>6.997.995.693</b>	<b>(41.611.249.859)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<b>(6.753.454.662)</b>	<b>(19.741.475.056)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		67.517.808.478	58.176.373.251
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(83.870.919)	1.467.614
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b> (70 = 50+60+61)	<b>70</b>	4.1	<b>60.680.482.897</b>	<b>38.436.365.809</b>



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2020

Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang  
Người lập

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 11 năm 2018.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009 Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 119.490.050.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vinafreight	Việt Nam	29.615.000.000	24,78	29.615.000.000	24,78
Công ty cổ phần VNT Holdings	Việt Nam	27.780.000.000	23,25	13.537.000.000	11,33
Lionas Fund Co.,LTD	Nhật Bản	17.136.000.000	14,34	17.136.000.000	14,34
Công ty cổ phần Transimex	Việt Nam	17.087.400.000	14,30	15.511.400.000	12,98
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	Việt Nam	9.000.000.000	7,53	9.000.000.000	7,53
Các đối tượng khác		18.871.650.000	15,80	34.690.650.000	29,04
<b>Cộng</b>		<b>119.490.050.000</b>	<b>100</b>	<b>119.490.050.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 231 (31 tháng 12 năm 2019 là: 297).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Giao nhận, tiếp vận.

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp hàng hóa hoặc hành lý của khách hàng lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
  - + Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
  - + Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
  - + Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
  - + Đại lý tàu biển;
  - + Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
  - + Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đầu giá: môi giới hàng hải;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:
  - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
  - + Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu;
  - + Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
  - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh.

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty có các công ty con, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
<b>Công ty con:</b>				
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	100%
<b>Công ty liên kết:</b>				
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	Bán đảo Đỉnh Vũ - Khu KT Đỉnh Vũ Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	30%	30%	30%

Đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là chi nhánh Hải Phòng, địa chỉ tại số 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2019.

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	5.858.276.917	7.684.261.512
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.052.611.318	40.126.647.204
Các khoản tương đương tiền	28.769.594.662	19.706.899.762
<b>Cộng</b>	<b>60.680.482.897</b>	<b>67.517.808.478</b>

Trong đó giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn là tương đương tiền dùng để đảm bảo cho các khoản vay là 28.769.594.662 VND – Xem thêm mục 4.12.

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Châu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:						
Cổ phiếu Công ty CP Logistics Vinalink	6.900.000.000	6.824.790.000	75.210.000	6.900.000.000	6.824.790.000	75.210.000
Cổ phiếu Công ty CP Vinafreight	4.375.000.000	8.216.250.000	-	4.375.000.000	8.557.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.275.000.000</b>	<b>15.041.040.000</b>	<b>75.210.000</b>	<b>11.275.000.000</b>	<b>15.382.290.000</b>	<b>75.210.000</b>

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Logistics Vinalink và Công ty CP Vinafreight trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Á Châu với lãi suất từ 6,1% đến 6,7%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.12.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con:				
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	12.000.000.000	(*)	12.000.000.000	(*)
Đầu tư vào công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	150.780.000.000	(*)	150.780.000.000	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam	2.260.000.000	(*)	2.260.000.000	(*)
Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long	16.778.200.000	(*)	16.778.200.000	(*)
<b>Cộng</b>	<b>19.038.200.000</b>		<b>19.038.200.000</b>	
<b>Tổng cộng</b>	<b>181.818.200.000</b>		<b>181.818.200.000</b>	

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>Tại ngày 30/06/2020 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020 VND</b>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 4.24	52.830.203	15.444.904
Phải thu từ khách hàng:		
Trinity Logistics (H.K.) Co., Ltd	333.743.107	9.459.606.313
Các khách hàng khác	94.030.686.690	81.908.921.746
<b>Cộng</b>	<b>94.417.260.000</b>	<b>91.383.972.963</b>

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 30/06/2020 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020 VND</b>
Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 4.24	31.896.296.430	17.689.888.123
Trả trước cho người bán:		
Regional Container Lines Public Company	4.327.601.561	3.912.814.461
Các nhà cung cấp khác	2.526.924.931	1.783.223.478
<b>Cộng</b>	<b>38.750.822.922</b>	<b>23.385.926.062</b>

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Châu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng	Giá trị VND	Dự phòng
Ký quỹ	7.981.460.000	-	9.710.460.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.296.146.197	-	3.681.749.480	-
Phải thu do trả hộ bà Nguyễn Thị Thanh Hương về mua cổ phần Công ty CP Cảng Mipec	-	-	8.725.000.000	-
Phải thu khác	10.562.042.952	-	5.610.097.141	-
Tạm ứng cho bên liên quan – Xem thêm mục 4.24	110.541.120	-	141.554.550	-
<b>Cộng</b>	<b>21.950.190.269</b>	<b>-</b>	<b>27.868.861.171</b>	<b>-</b>

**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	1.115.620.730	-
Các khách hàng khác	780.424.381	336.458.709	681.247.703	329.812.425
<b>Cộng</b>	<b>1.896.045.111</b>	<b>336.458.709</b>	<b>1.796.868.433</b>	<b>329.812.425</b>

Trên 3 năm  
Từ 6 tháng đến trên 3 năm



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.7. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2020	52.386.197.589	10.733.808.915	39.230.310.829	804.822.952	799.370.000	103.954.510.285
Mua trong kỳ	-	36.900.000	-	-	-	36.900.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(597.975.000)	(106.250.544)	-	(704.225.544)
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>52.386.197.589</b>	<b>10.770.708.915</b>	<b>38.632.335.829</b>	<b>698.572.408</b>	<b>799.370.000</b>	<b>103.287.184.741</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2020	17.172.966.042	6.437.642.825	34.837.689.881	656.960.518	799.370.000	59.904.629.266
Khấu hao trong kỳ	1.469.221.836	482.321.019	1.169.510.142	28.038.700	-	3.149.091.697
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(85.784.762)	(106.250.544)	-	(192.035.306)
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>18.642.187.878</b>	<b>6.919.963.844</b>	<b>35.921.415.261</b>	<b>578.748.674</b>	<b>799.370.000</b>	<b>62.861.685.657</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2020	35.213.231.547	4.296.166.090	4.392.620.948	147.862.434	-	44.049.881.019
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>33.744.009.711</b>	<b>3.850.745.071</b>	<b>2.710.920.568</b>	<b>119.823.734</b>	<b>-</b>	<b>40.425.499.084</b>

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2020 của TSCĐ hữu hình là 1.129.741.255 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm mục 4.12.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 30.758.997.267 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2020	2.642.410.677	933.928.109	3.576.338.786
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>2.642.410.677</b>	<b>933.928.109</b>	<b>3.576.338.786</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2020	1.557.722.109	758.045.155	2.315.767.264
Khấu hao trong kỳ	8.158.122	55.415.130	63.573.252
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>1.565.880.231</b>	<b>813.460.285</b>	<b>2.379.340.516</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2020	1.084.688.568	175.882.954	1.260.571.522
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>1.076.530.446</b>	<b>120.467.824</b>	<b>1.196.998.270</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.897.929.178 VND.

**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.24	437.056.119	437.056.119	1.160.660.384	1.160.660.384
Phải trả cho người bán:				
Regional Container Lines Public Co.,	47.771.327.969	47.771.327.969	56.952.884.308	56.952.884.308
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	4.292.880.991	4.292.880.991	4.590.423.379	4.590.423.379
VP bán vé Hãng hàng không Korean Air tại TP. Hà Nội	18.224.895.553	18.224.895.553	5.134.228.169	5.134.228.169
Phải trả cho các đối tượng khác	35.339.445.497	35.339.445.497	36.482.089.418	36.482.089.418
<b>Cộng</b>	<b>106.065.606.129</b>	<b>106.065.606.129</b>	<b>104.320.285.658</b>	<b>104.320.285.658</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2020		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2020	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	1.939.203.968	3.139.542.438	1.703.383.798	-	503.045.328
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	408.636	-	-	22.000	386.636	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	660.582.265	660.582.265	1.571.781.528	-	1.571.781.528
Thuế thu nhập cá nhân	-	251.233.836	2.288.238.244	2.221.976.769	-	184.972.361
Các loại thuế khác	-	1.251.130.232	4.822.049.842	4.582.877.464	-	1.011.957.854
<b>Cộng</b>	<b>408.636</b>	<b>4.102.150.301</b>	<b>10.910.412.789</b>	<b>10.080.041.559</b>	<b>386.636</b>	<b>3.271.757.071</b>

**4.11. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	14.272.326.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.734.922.383	7.291.422.383
Các khoản phải trả, phải nộp khác	977.745.271	961.338.571
<b>Cộng</b>	<b>18.984.993.654</b>	<b>8.252.760.954</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.12. Vay**

	Tại ngày 30/06/2020		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Táng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	171.863.856.322	171.863.856.322	301.125.209.298	294.127.213.605	164.865.860.629	164.865.860.629
Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:						
<b>Ngân hàng</b>	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020</b>		
			VND	VND		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	7,5%/năm	137.200.656.359	124.138.819.868	(a)	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	7,5%/năm	9.333.799.686	7.870.513.020	(b)	
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	VND	7,5% - 8,5%/năm	17.947.764.287	18.205.480.305	(c)	
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	7,5% - 7,6%/năm	7.381.635.990	14.651.047.436	(d)	
<b>Cộng</b>			<b>171.863.856.322</b>	<b>164.865.860.629</b>		

Thông tin về các tài sản đảm bảo, cầm có thể chấp cho các khoản vay trên như sau:

(a) Khoản vay được bảo đảm bằng:

- Hợp đồng tiền gửi số 163/2017/HĐTG.TX và 180/2020/HĐTG.TX với tổng giá trị là 21.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.1 và mục 4.2;
- Hợp đồng tiền gửi số 659/2019/HĐTG.TX, giá trị 500.000.000 VND – Xem thêm mục 4.1 và mục 4.2;
- Hợp đồng tiền gửi số 457/2019/HĐTG.TX và 461/2019/HĐTG.TX với tổng giá trị là 6.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.1 và mục 4.2;
- Hợp đồng tiền gửi số 142/2020/HĐTG.TX, giá trị là 2.300.000.000 VND – Xem thêm mục 4.1 và mục 4.2;
- Hợp đồng tiền gửi số 194/2020/HĐTG.TX, giá trị là 50.000 USD – Xem thêm mục 4.1 và mục 4.2;
- Tài sản cố định là một số phương tiện vận tải có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 1.129.741.255 VND – Xem thêm mục 4.7;



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

(b) Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng tiền gửi số 01022018/HĐTG/VCB-VNT và 01200716/HĐTG/VCB-VNT tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng giá trị là 12.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.1 và mục 4.2.

(c) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Hợp đồng tiền gửi số 01/2019/HĐTGCKH-LPB-VNT, kỳ hạn 7 tháng, giá trị 1.500.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 04/2017/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 2.300.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 05/2017/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 01 tháng, giá trị 145.000 USD;
- Hợp đồng tiền gửi số 06/2018/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 1.200.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 07/2018/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 1.800.000.000 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 08/2018/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 2.157.041.157 VND;
- Hợp đồng tiền gửi số 09/2018/HĐTGCKH-LPB-VNT kỳ hạn 03 tháng, giá trị 2.804.153.505 VND.

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng Thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn (VND) số tài khoản 244736619, 244737169, số 252457009, số 2736884929, số 27869539 tại ACB trị giá 10.427.458.105 VND.

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.13. Vốn chủ sở hữu****4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2019	119.490.050.000	45.544.394.511	(817.208.082)	57.365.721.596			221.582.958.025
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	605.571.397			605.571.397
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(316.415.600)			(316.415.600)
Cổ tức	-	-	-	(14.272.326.000)			(14.272.326.000)
Tại ngày 30/06/2019	119.490.050.000	45.544.394.511	(817.208.082)	43.382.551.393			207.599.787.822
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	3.487.790.850			3.487.790.850
Tại ngày 01/01/2020	119.490.050.000	45.544.394.511	(817.208.082)	46.870.342.243			211.087.578.672
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	832.161.909			832.161.909
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(500.000.000)			(500.000.000)
Cổ tức	-	-	-	(14.272.326.000)			(14.272.326.000)
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>119.490.050.000</b>	<b>45.544.394.511</b>	<b>(817.208.082)</b>	<b>32.930.178.152</b>			<b>197.147.414.581</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.13.2. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.949.005	11.949.005
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	11.949.005	11.949.005
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.400	55.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	11.893.605	11.893.605

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.13.3. Cổ tức đã trả**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã chia trên mỗi cổ phần của cổ phiếu phổ thông	1.200	1.200

**4.13.4. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2020	9.400.293.842	11.000.000.000
Trích trong kỳ	-	1.000.000.000
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>9.400.293.842</b>	<b>12.000.000.000</b>

**4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Ngoại tệ các loại:		
USD	775.081,77	465.553,40
EUR	680,86	445.256,11
SGD	10.201,04	680,86

**4.15. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cước vận chuyển hàng không	216.865.947.907	150.794.121.372
Cước vận chuyển đường biển	77.555.013.583	63.143.219.491
Doanh thu dịch vụ khác	39.207.469.098	46.990.150.436
<b>Cộng</b>	<b>333.628.430.588</b>	<b>260.927.491.299</b>
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.24	23.951.990.724	7.667.075.737

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.16. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	21.806.132.156	21.868.966.888
Chi phí công cụ, dụng cụ	124.965.137	136.803.639
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.647.738.699	2.814.174.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	287.701.316.115	214.543.355.957
Chi phí khác	6.606.941.561	6.069.195.105
<b>Cộng</b>	<b>318.887.093.668</b>	<b>245.432.495.792</b>

**4.17. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.261.800.587	1.903.147.013
Lãi chênh lệch tỷ giá	710.235.532	560.476.099
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	404.432.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	20.491.369
<b>Cộng</b>	<b>2.972.036.119</b>	<b>2.888.546.481</b>

**4.18. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	6.406.483.484	6.382.075.502
Lỗ chênh lệch tỷ giá	469.126.197	182.319.977
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	152.023.558	-
<b>Cộng</b>	<b>7.027.633.239</b>	<b>6.564.395.479</b>

**4.19. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.695.197.867	4.617.315.609
Chi phí đồ dùng văn phòng	49.375.818	91.413.447
Chi phí khấu hao	564.926.250	575.484.800
Thuế, phí và lệ phí	341.130.313	382.816.259
Chi phí dự phòng	92.530.394	100.143.582
Chi phí khác	3.287.203.377	5.432.587.900
<b>Cộng</b>	<b>9.030.364.019</b>	<b>11.199.761.597</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.20. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	26.501.330.023	26.486.282.497
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.212.664.949	3.389.659.003
Chi phí dịch vụ mua ngoài	287.701.316.115	214.543.355.957
Dự phòng phải thu khó đòi	92.530.394	100.143.582
Chi phí khác	10.409.616.206	12.112.816.350
<b>Cộng</b>	<b>327.917.457.687</b>	<b>256.632.257.389</b>

**4.21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	1.492.744.174	663.256.248
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.810.167.152	29.600.004
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(404.432.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	3.302.911.326	288.424.252
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>660.582.265</b>	<b>57.684.851</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

Theo Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 06 năm 2020 sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 8 Nghị Định Số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, Công ty sẽ được cơ quan thuế tính toán lại số thuế TNDN phải nộp của các năm trước. Công ty ước tính số tiền sẽ được bù trừ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong tương lai là 2.568.969.931 VND.

**4.22. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	301.125.209.298	243.224.246.743

**4.23. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(294.127.213.605)	(270.563.170.602)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.24. Thông tin về các bên liên quan**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành	Công ty con
2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2020 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2020 VND</u>
Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành:		
Phải thu thương mại – Xem thêm mục 4.3	52.830.203	15.444.904
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 4.4	31.896.296.430	17.689.888.123
Phải trả thương mại – Xem thêm mục 4.9	(437.056.119)	(1.160.660.384)
	<u>Tại ngày 30/06/2020 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2020 VND</u>

Tạm ứng – Xem thêm mục 4.5:

Ông Trần Công Thành – Tổng Giám đốc	110.541.120	141.554.550
-------------------------------------	-------------	-------------

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành:		
Cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 4.15	23.951.990.724	7.667.075.737
Mua dịch vụ	5.781.194.920	3.376.207.361

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thù lao và thu nhập	1.038.888.888	890.000.000

**4.25. Thu nhập Ban kiểm soát**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	61.111.112	23.333.333



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.26. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Vào tháng 07/2020, dịch Covid-19 bùng phát trở lại tại Việt Nam. Ảnh hưởng đầy đủ của dịch bệnh vẫn chưa xác định được. Tuy nhiên, khả năng xảy ra mức độ ảnh hưởng tiêu cực của Covid-19 đến doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kế toán tới là tùy thuộc vào thời gian diễn biến của dịch bệnh.



**Trần Công Thành**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2020

**Đỗ Thị Thu Hiền**  
**Kế toán trưởng**

**Lục Thị Minh Trang**  
**Người lập**